



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 587.2022/ QĐ - VPCNCL ngày 15 tháng 7 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý Chất lượng**

Laboratory: **Quality Control Department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Organization: **Thuduc Steel Joint Stock Company - VNSTEEL**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ, Hóa**

Field of testing: **Mechanical, Chemical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Cao Anh Kiệt**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Cao Anh Kiệt	Các phép thử được công nhận/Accredited tests
2.	Tạ Đình An	

Số hiệu/ Code: **VILAS 117**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **15/7/2025**

Địa chỉ/ Address:

Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Km9 , Hanoi highway, TruongTho ward , Thuduc city , Hochiminh

Địa điểm/Location:

Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Km9 , Hanoi highway, TruongTho ward , Thuduc city , Hochiminh

Điện thoại/ Tel: **028 3896 9612**

Fax: **028 3731 0154**

E-mail: **thep-thuduc@hcm.vnn.vn**

Website: **thepthuduc.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 117****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cốt bê tông cán nóng <i>Steel bar hot rolled</i>	Thử kéo: - Xác định giới hạn chảy - Xác định độ bền đứt - Xác định độ giãn dài <i>Tensile test:</i> - <i>Determination of yield point</i> - <i>Determination of tensile strength</i> - <i>Determination of elongation</i>	(10 ~ 850) kN	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2241:2011
2.		Thử uốn <i>Bending test</i>		TCVN 198:2008 TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2248:2014

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa*Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép hợp kim thấp <i>Low alloy steel</i>	Xác định hàm lượng các nguyên tố C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu. Phương pháp quang phổ <i>Determination content of C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu.</i> <i>Spark atomic emission spectrometry method</i>	C: (0,02 ~ 1,1) % Si: (0,05 ~ 1,54) % Mn: (0,05 ~ 2,0) % P: (0,006 ~ 0,085) % S: (0,006 ~ 0,055) % Cr: (0,005 ~ 8,14) % Ni: (0,005 ~ 5,0) % Cu: (0,005 ~ 0,5) %	ASTM E415-17

Ghi chú / Notes:

- ASTM: American Society for Testing and Materials
- JIS: Japanese Industrial Standards